



**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# **CÔNG BÁO**

*Thành phố Đà Nẵng*

Số 15 + 16

Ngày 14 tháng 12 năm 2019

## **MỤC LỤC**

	Trang
<b>VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT</b>	
<b>ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ</b>	
24/09/2019	3
Quyết định số 41/2019/QĐ-UBND bãi bỏ Quyết định số 25/2007/QĐ-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2007 của UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Quy định về quản lý, bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh trên địa bàn thành phố Đà Nẵng	
07/10/2019	4
Quyết định số 42/2019/QĐ-UBND quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của thành phố Đà Nẵng	
10/10/2019	9
Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND ban hành Bộ đơn giá xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn thành phố Đà Nẵng	
15/10/2019	11
Quyết định số 44/2019/QĐ-UBND quy định tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng nhà làm việc thuộc trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức; nhà làm việc thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp thuộc phạm vi quản lý của thành phố Đà Nẵng	
21/10/2019	14
Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND quy định tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố Đà Nẵng	

04/11/2019	Quyết định số 47/2019/QĐ-UBND ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng trên địa thành phố Đà Nẵng	23
13/11/2019	Quyết định số 48/2019/QĐ-UBND bãi bỏ Quyết định số 23/2016/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2016 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ban hành Quy định về quản lý, khai thác vận tải hành khách bằng xe taxi trên địa thành phố Đà Nẵng	30

## **VĂN BẢN KHÁC**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

14/10/2019	Quyết định số 4620/QĐ-UBND về việc thay đổi thành viên Hội đồng thẩm định Bảng giá đất thành phố Đà Nẵng	31
14/10/2019	Quyết định số 4629/QĐ-UBND về việc thành lập Tổ biên tập xây dựng chuyên đề “Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu, thành tựu phát triển kinh tế - xã hội nhiệm kỳ 2015 - 2020; nhiệm vụ, giải pháp nhiệm kỳ 2020 - 2025”	33
14/10/2019	Quyết định số 4630/QĐ-UBND về việc thay đổi thành viên Hội đồng giải thể Quỹ bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa thành phố Đà Nẵng	36
12/10/2019	Chỉ thị số 03/CT -UBND về việc nâng cao hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong thời gian đến trên địa thành phố Đà Nẵng	37

**VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**  
**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:41/2019/QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 9 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc bãi bỏ Quyết định số 25/2007/QĐ-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2007 của UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Quy định về quản lý, bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao tại tờ trình số 377/ TTr - SVHTT ngày 12 tháng 18 năm 2019*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Bãi bỏ Quyết định số 25/2007/QĐ-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2007 của UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Quy định về quản lý, bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 04 tháng 10 năm 2019.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và UBND thành phố, Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các quận, huyện, phường, xã, và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**  
**Huỳnh Đức Thơ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 42/2019/QĐ-UBND

*Đà Nẵng, ngày 07 tháng 10 năm 2019*

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp  
lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý  
của thành phố Đà Nẵng**

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật giáo dục nghề nghiệp số 74/2014/QH 13 ngày 27 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;*

*Căn cứ Thông tư số 38/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp;*

*Theo ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố tại Công văn số 855/HĐND-VHXXH ngày 10 tháng 9 năm 2019;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 3147 /TTr-SLĐTBXH ngày 20 tháng 9 năm 2019,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của thành phố Đà Nẵng.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập bao gồm trường cao đẳng, trường trung cấp và trung tâm giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi quản lý của thành phố Đà Nẵng (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư).

### **Điều 3. Nguyên tắc áp dụng tiêu chuẩn, định mức**

Các tiêu chuẩn, định mức quy định tại Quyết định này được áp dụng căn cứ vào các nguyên tắc quy định tại Điều 4 Thông tư số 38/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

### **Điều 4. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp**

1. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp quy định chi tiết tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

2. Nội dung tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích các phòng, khu chức năng phục vụ thực hành, thực nghiệm, thí nghiệm của từng ngành, nghề đào tạo được áp dụng theo quy định của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về tiêu chuẩn cơ sở vật chất để tổ chức đào tạo cho từng ngành, nghề theo các trình độ đào tạo.

3. Các diện tích quy định chi tiết tại Phụ lục Quyết định này tính theo kích thước thông thủy quy định của pháp luật.

### **Điều 5. Xử lý chuyển tiếp**

1. Đối với dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì không xác định lại diện tích theo tiêu chuẩn, định mức quy định tại Quyết định này.

2. Đối với các đơn vị đã xây dựng công trình sự nghiệp lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp, trường hợp có diện tích chuyên dùng chưa đủ theo tiêu chuẩn, định mức quy định tại phụ lục kèm theo Quyết định này thì bố trí, sắp xếp cho phù hợp với điều kiện thực tế, đảm bảo phục vụ công tác; trường hợp có diện tích chuyên dùng cao hơn theo tiêu chuẩn, định mức quy định tại phụ lục kèm theo Quyết định này thì được tiếp tục sử dụng; khi đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp công trình sự nghiệp lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp thì thực hiện theo tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng quy định của cấp có thẩm quyền tại thời điểm hiện hành.

### **Điều 6. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 17 tháng 10 năm 2019.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm có ý kiến về tiêu chuẩn, định mức công trình sự nghiệp lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi quản lý của thành phố Đà Nẵng theo quy định tại Điểm b, Khoản 5, Điều 12, Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ.

3. Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao, đầu tư xây dựng, mua sắm, thuê, bố trí sử dụng diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp căn cứ quy mô đào tạo, ngành, nghề đào tạo, tính chất công việc của chức danh, nhu cầu sử dụng, khả năng của ngân sách nhà nước, quỹ nhà đất hiện có và mức độ tự chủ của đơn vị để quyết định cho phù hợp, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

4. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh bằng văn bản về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu, tổng hợp, trình UBND thành phố xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

5. Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu quốc hội, HĐND, UBND thành phố, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố, Chủ tịch UBND các quận, huyện, phường, xã, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**CHỦ TỊCH**

**Huyền Đức Thơ**

**Phụ lục****TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH SỰ NGHIỆP LĨNH VỰC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG***(Kèm theo Quyết định số 42/2019/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2019 của UBND thành phố Đà Nẵng)*

1. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích các phòng học lý thuyết các môn khoa học cơ bản, môn kỹ thuật cơ sở, các môn chuyên môn, vẽ kỹ thuật; phòng chuẩn bị giảng dạy; phòng hội đồng; phòng nghỉ cho nhà giáo ở mỗi tầng của khu nhà học được quy định chi tiết như sau:

TT	Tên phòng	Đơn vị tính	Diện tích tối đa	Ghi chú
1	Phòng học lý thuyết các môn khoa học cơ bản, môn kỹ thuật cơ sở, các môn chuyên môn, vẽ kỹ thuật	(m <sup>2</sup> /phòng)	60	Tối thiểu 48 m <sup>2</sup> /phòng
2	Phòng chuẩn bị giảng dạy	(m <sup>2</sup> /giáo viên)	1,5	Tối thiểu 1,2m <sup>2</sup> /giáo viên
3	Phòng hội đồng	(m <sup>2</sup> /phòng)	45	Tối thiểu 18 m <sup>2</sup>
4	Phòng nghỉ cho nhà giáo	(m <sup>2</sup> /phòng)	30	Tối thiểu 18m <sup>2</sup> /phòng

## 2. Giảng đường

Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích các giảng đường căn cứ vào số lượng chỗ ngồi trong giảng đường. Diện tích một chỗ ngồi trong giảng đường tối đa là 1,3m<sup>2</sup>/chỗ ngồi (tối thiểu 1m<sup>2</sup>/chỗ ngồi).

## 3. Thư viện

Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích các phòng trong thư viện như sau:

TT	Tên phòng	Đơn vị tính	Diện tích tối đa	Ghi chú
1	Phòng đọc điện tử (dùng máy tính)	(m <sup>2</sup> /chỗ)	3,5	
2	Phòng đọc của cán bộ, giáo viên	(m <sup>2</sup> /chỗ)	2,4	Tối thiểu 2m <sup>2</sup> /chỗ
3	Phòng đọc của người học	(m <sup>2</sup> /chỗ)	2,0	
4	Kho sách	(m <sup>2</sup> /1000 đơn vị sách)	2,5	

## 4. Hội trường (trên 100 chỗ ngồi)

Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích các phòng trong hội trường được quy định chi tiết như sau:

TT	Tên phòng	Đơn vị tính	Diện tích tối đa	Ghi chú
1	Phòng khán giả	(m <sup>2</sup> /chỗ)	0,8	
2	Sân khấu	(m <sup>2</sup> /chỗ)	0,25	Tối thiểu 0,2m <sup>2</sup> /chỗ
3	Kho (dụng cụ) sân khấu	(m <sup>2</sup> /phòng)	15	Tối thiểu 12 m <sup>2</sup> /phòng
4	Kho thiết bị dụng cụ	(m <sup>2</sup> /chỗ)	0,25	
5	Phòng truyền thanh, hình ảnh	(m <sup>2</sup> /phòng)	18	Tối thiểu 15 m <sup>2</sup> /phòng
6	Sảnh, hành lang kết hợp chỗ nghỉ	(m <sup>2</sup> /chỗ)	0,25	Tối thiểu 0,2m <sup>2</sup> /chỗ
7	Phòng diễn viên, phòng thay đồ	(m <sup>2</sup> /phòng)	36	Tối thiểu 24m <sup>2</sup> /phòng
8	Khu vệ sinh	(m <sup>2</sup> /phòng)	8	Tối thiểu 2 m <sup>2</sup> /phòng

#### 5. Ký túc xá

a) Mỗi phòng trong ký túc xá bố trí không quá 8 người; tối đa không quá 40m<sup>2</sup>/phòng (tiêu chuẩn diện tích tối thiểu là 4,0m<sup>2</sup>/người).

b) Khu vệ sinh trong mỗi phòng ký túc xá: 8m<sup>2</sup>/phòng.

#### 6. Nhà ăn (bếp ăn)

Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích các khu vực trong nhà ăn được quy định chi tiết như sau:

TT	Các khu vực trong nhà ăn (bếp ăn)	Đơn vị tính	Diện tích tối đa	Ghi chú
1	Khu vực gia công và kho	(m <sup>2</sup> /chỗ)	1,2	Tối thiểu 0,8m <sup>2</sup> /chỗ
2	Khu vực ăn và giải khát	(m <sup>2</sup> /chỗ)	1,4	Tối thiểu 0,8m <sup>2</sup> /chỗ
3	Khu vực hành chính	(m <sup>2</sup> /chỗ)	0,8	Tối thiểu 0,2 m <sup>2</sup> /chỗ
4	Khu vực phục vụ	(m <sup>2</sup> /chỗ)	1,3	Tối thiểu 0,5 m <sup>2</sup> /chỗ

7. Khu rèn luyện thể chất, thể dục thể thao: Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích khu đất rèn luyện thể chất, thể dục thể thao được tính 2m<sup>2</sup>/người học./.



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Số:43/2019/QĐ-UBND**

*Đà Nẵng, ngày 10 tháng 10 năm 2019*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Bộ đơn giá xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai  
trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;*

*Căn cứ Nghị định số 117/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;*

*Căn cứ Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về việc quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;*

*Căn cứ Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT ngày 04 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về ban hành định mức kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 683/ TTr-STNMT ngày 22 tháng 8 năm 2019 và Tờ trình số 799/TTr-STNMT ngày 07 tháng 10 năm 2019*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ đơn giá xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

**Điều 2.** Quyết định này áp dụng cho các đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức và cá nhân có liên quan thực hiện các dự án, nhiệm vụ hoạt động xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn thành phố Đà Nẵng thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước.

Khuyến khích các tổ chức, cá nhân thực hiện các dự án, nhiệm vụ hoạt động xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn thành phố Đà Nẵng ngoài nguồn ngân sách nhà nước áp dụng đơn giá ban hành theo Quyết định này.

**Điều 3.** Khi mức lương cơ sở có sự thay đổi, chi phí nhân công hiện hành sẽ được tính bằng chi phí nhân công trong Bộ đơn giá theo mức lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng nhân với hệ số điều chỉnh K. Hệ số điều chỉnh K được tính:  $K = \text{mức lương cơ sở theo quy định hiện hành} / 1.490.000$  đồng.

Trường hợp có sự thay đổi do Nhà nước ban hành thay đổi định mức kinh tế kỹ thuật hoặc giá cả vật tư, vật liệu trên thị trường biến động ảnh hưởng tới bộ đơn giá tăng trên 10% thì đơn giá được tính toán điều chỉnh lại cho phù hợp.

**Điều 4.** Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn áp dụng, đồng thời theo dõi, giám sát việc thực hiện Bộ đơn giá xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

**Điều 5.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21/10 /2019. Quyết định này thay thế Quyết định số 14/2014/QĐ-UBND ngày 12/5/2014 của UBND thành phố Đà Nẵng Ban hành Bộ đơn giá xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính.

**Điều 6.** Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở: Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư; Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT.CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**  
**Đặng Việt Dũng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Số:44/2019/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 10 năm 2019

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng  
nhà làm việc thuộc trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức;  
nhà làm việc thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp thuộc  
phạm vi quản lý của thành phố Đà Nẵng**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản công số 15/ ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;*

*Căn cứ Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;*

*Trên cơ sở ý kiến thống nhất của Thường trực hội đồng nhân dân thành phố tại Công văn số 866/HĐND-KTNS ngày 26 tháng 9 năm 2019 về định mức diện tích chuyên dùng nhà làm việc thuộc trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức; nhà làm việc thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp thuộc phạm vi quản lý của thành phố Đà Nẵng;*

*Xét tờ trình số 117/TTr-STC ngày 28 tháng 6 năm 2019 của Sở Tài chính về việc ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng nhà làm việc thuộc trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức; nhà làm việc thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp thuộc phạm vi quản lý của thành phố Đà Nẵng và công văn số 3335/STC-GCS ngày 07 tháng 10 năm 2019 của Sở Tài chính liên quan đến tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị; Công văn số 3574/SXD-QLN ngày 14 tháng 5 năm 2019 và Công văn số 4303/SXD ngày 06/6/2019 của Sở Xây dựng; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 2324/STP-XDKTVB ngày 24 tháng 6 năm 2019; ý kiến thống nhất của các thành viên Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng tại phiên họp ngày 14/8/2019*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng nhà làm việc thuộc trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức; nhà làm việc thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp thuộc phạm vi quản lý của thành phố Đà Nẵng

2. Đối tượng áp dụng: Cơ quan nhà nước; Cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam; Tổ chức chính trị- xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động; Đơn vị sự nghiệp công lập; Ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của thành phố Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là cơ quan, tổ chức, đơn vị)

**Điều 2. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng nhà làm việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị:** Chi tiết phụ lục kèm theo

### **Điều 3. Xử lý chuyển tiếp**

1. Đối với dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức; nhà làm việc thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định trước ngày Quyết định có hiệu lực thì không xác định lại diện tích chuyên dùng theo tiêu chuẩn, định mức theo quy định tại Quyết định này

2. Đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị đã xây dựng trụ sở làm việc, nhà làm việc thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp có diện tích chuyên dùng cao hơn theo tiêu chuẩn, định mức quy định tại Điều 2 Quyết định thì tiếp tục sử dụng; khi đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc thì thực hiện theo tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng tại Quyết định này.

### **Điều 4. Trách nhiệm và tổ chức thực hiện**

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm quản lý, sử dụng diện tích chuyên dùng theo đúng tiêu chuẩn, định mức này và các quy định có liên quan.

2. Sở Tài chính có ý kiến bằng văn bản về tiêu chuẩn, định mức đối với trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức; nhà làm việc thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp thuộc phạm vi quản lý của thành phố Đà Nẵng khi đầu tư xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp theo quy định tại Quyết định này và các văn bản khác có liên quan.

**Điều 5.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 10 năm 2019.

**Điều 6.** Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và UBND thành phố, Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố, Chủ tịch UBND các quận, huyện và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**  
**Huỳnh Đức Thơ**

**Phụ Lục**

**TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC DIỆN TÍCH CHUYÊN DÙNG NHÀ LÀM VIỆC  
THUỘC TRỤ SỞ LÀM VIỆC CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC NHÀ LÀM VIỆC  
THUỘC CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

*(Kèm theo Quyết định số 44/2019/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10  
năm 2019 của UBND thành phố Đà Nẵng)*

TT	Loại diện tích chuyên dùng	Đơn vị tính	Diện tích tối đa		
			Cấp thành phố	Cấp quận, huyện	Cấp phường, xã
1	Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính	m <sup>2</sup> /cơ quan, tổ chức, đơn vị	100	150	80
2	Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp dân	m <sup>2</sup> /cơ quan, tổ chức, đơn vị	100	50	40
3	Diện tích quản trị hệ thống công nghệ thông tin	m <sup>2</sup> /cơ quan, tổ chức, đơn vị	100	50	50
4	Diện tích Hội trường lớn (từ 100 chỗ ngồi trở lên)	m <sup>2</sup> /chỗ ngồi	2,0	2,0	2,0
5	Diện tích kho chuyên ngành	m <sup>2</sup> /cơ quan, tổ chức, đơn vị	200	150	100
6	Diện tích khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù (trục ban phòng chống thiên tai, chống cháy nổ, truyền thanh truyền hình)	m <sup>2</sup> /cơ quan, tổ chức, đơn vị	100	100	100

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 45 /2019/QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 10 năm 2019

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng đối với  
các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố Đà Nẵng**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;*

*Thực hiện ý kiến của Thành uỷ Đà Nẵng tại Thông báo số 555-TB/TU ngày 17 tháng 9 năm 2019 về kết luận của Thường trực Thành uỷ tại phiên họp thường kỳ ngày 12 tháng 9 năm 2019;*

*Trên cơ sở ý kiến của Thường trực HĐND thành phố Đà Nẵng tại Công văn số 868/HĐND-KTNS ngày 26 tháng 9 năm 2019 về việc liên quan đến tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trang bị cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố Đà Nẵng;*

*Trên cơ sở đề nghị của các cơ quan, tổ chức, đơn vị được Sở Tài chính thành phố tổng hợp, báo cáo tại Tờ trình số 148/TTr-STC ngày 08 tháng 8 năm 2019 về việc ban hành tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trang bị cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 1878/STP-XDKTVB ngày 22 tháng 5 năm 2019; và trên cơ sở ý kiến của các thành viên Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Quy định tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6 Điều 17 Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố Đà Nẵng, chi tiết tại Phụ lục kèm theo; bao gồm:

1. Các loại xe ô tô có kết cấu đặc biệt (xe chở tiền, xe trang bị phòng thí nghiệm, xe cần cẩu,...) và xe ô tô gắn thiết bị chuyên dùng hoặc xe ô tô được gắn biển hiệu nhận biết theo quy định của pháp luật (xe gắn thiết bị thu, phát vệ tinh, xe phục vụ tang lễ,...), xe dịch vụ sát hạch, tập lái: Chủ tịch UBND thành

phổ quyết định trang bị theo yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ của các đơn vị đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm.

2. Các loại xe ô tô chuyên dùng khác (xe ô tô tải, xe ô tô bán tải, xe ô tô trên 16 chỗ ngồi): Đối tượng sử dụng, chủng loại, số lượng được quy định tại Mục II của Phụ lục kèm theo.

**Điều 2.** Tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng quy định tại Quyết định này là mức tối đa để các cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ vào nhu cầu thực tế phục vụ nhiệm vụ được giao để đầu tư, mua sắm đúng chủng loại và không vượt quá số lượng quy định.

Căn cứ tình hình thực tế, chủng loại xe cần trang bị, Chủ tịch UBND thành phố quyết định giá mua xe ô tô chuyên dùng của từng trường hợp cụ thể khi quyết định mua sắm trang bị sau khi có ý kiến của Ban Thường vụ Thành ủy và Thường trực HĐND thành phố.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 31 tháng 10 năm 2019.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố, Chủ tịch UBND các quận, huyện và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**  
**Huỳnh Đức Thơ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:45 /2019/QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 10 năm 2019

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng đối với  
các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố Đà Nẵng**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;*

*Thực hiện ý kiến của Thành uỷ Đà Nẵng tại Thông báo số 555-TB/TU ngày 17 tháng 9 năm 2019 về kết luận của Thường trực Thành uỷ tại phiên họp thường kỳ ngày 12 tháng 9 năm 2019;*

*Trên cơ sở ý kiến của Thường trực HĐND thành phố Đà Nẵng tại Công văn số 868/HĐND-KTNS ngày 26 tháng 9 năm 2019 về việc liên quan đến tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trang bị cho cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố Đà Nẵng;*

*Trên cơ sở đề nghị của các cơ quan, tổ chức, đơn vị được Sở Tài chính thành phố tổng hợp, báo cáo tại Tờ trình số 148/TTr-STC ngày 08 tháng 8 năm 2019 về việc ban hành tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trang bị cho cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 1878/STP-XDKTVB ngày 22 tháng 5 năm 2019; và trên cơ sở ý kiến của các thành viên Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Quy định tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6 Điều 17 Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố Đà Nẵng, chi tiết tại Phụ lục kèm theo; bao gồm:

3. Các loại xe ô tô có kết cấu đặc biệt (xe chở tiền, xe trang bị phòng thí nghiệm, xe cần cầu,...) và xe ô tô gắn thiết bị chuyên dùng hoặc xe ô tô được gắn biển hiệu nhận biết theo quy định của pháp luật (xe gắn thiết bị thu, phát vệ tinh, xe phục vụ tang lễ,...), xe dịch vụ sát hạch, tập lái: Chủ tịch UBND thành



phổ quyết định trang bị theo yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ của các đơn vị đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm.

4. Các loại xe ô tô chuyên dùng khác (xe ô tô tải, xe ô tô bán tải, xe ô tô trên 16 chỗ ngồi): Đối tượng sử dụng, chủng loại, số lượng được quy định tại Mục II của Phụ lục kèm theo.

**Điều 2.** Tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng quy định tại Quyết định này là mức tối đa để các cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ vào nhu cầu thực tế phục vụ nhiệm vụ được giao để đầu tư, mua sắm đúng chủng loại và không vượt quá số lượng quy định.

Căn cứ tình hình thực tế, chủng loại xe cần trang bị, Chủ tịch UBND thành phố quyết định giá mua xe ô tô chuyên dùng của từng trường hợp cụ thể khi quyết định mua sắm trang bị sau khi có ý kiến của Ban Thường vụ Thành ủy và Thường trực HĐND thành phố.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 31 tháng 10 năm 2019.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố, Chủ tịch UBND các quận, huyện và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**  
**Huỳnh Đức Thơ**

**Phụ lục**  
**TIÊU CHUẨN ĐỊNH MỨC XE Ô TÔ CHUYÊN DÙNG ĐỐI VỚI CÁC**  
**CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐƠN VỊ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA**  
**THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**  
*(Kèm theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 21/ 10/ 2019 của UBND*  
*thành phố Đà Nẵng)*

DVT: Chiếc

STT	Chủng loại xe - Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị	Định mức
I	Các loại xe ô tô có kết cấu đặc biệt (xe chở tiền, xe trang bị phòng thí nghiệm, xe cần cẩu,...) và xe ô tô gắn thiết bị chuyên dùng hoặc xe ô tô được gắn biển hiệu nhận biết theo quy định của pháp luật (xe gắn thiết bị thu, phát vệ tinh, xe phục vụ tang lễ,...), xe dịch vụ sát hạch, tập lái	Chủ tịch UBND thành phố quyết định trang bị theo yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ của các đơn vị đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm
II	Các loại xe ô tô chuyên dùng khác (Xe ô tô tải, xe ô tô bán tải, xe ô tô trên 16 chỗ ngồi).	175
1	<b>Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, HĐND và UBND thành phố</b>	<b>14</b>
-	Xe chỉ đạo phòng chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn	5
-	Xe phục vụ các đoàn A1, khách quốc tế	6
-	Xe phục vụ cán bộ lão thành, người có công cách mạng, cán bộ hưu trí	1
-	Xe kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm, giết mổ gia súc, gia cầm, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật	1
-	Xe kiểm tra an ninh, trật tự đô thị, khu công nghiệp	1
2	<b>Văn phòng Thành ủy</b>	<b>7</b>
-	Xe chỉ đạo phòng chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn	2
-	Xe phục vụ các đoàn A1, khách quốc tế	3
-	Xe phục vụ cán bộ lão thành, người có công cách mạng, cán bộ hưu trí	2
3	<b>UBND 07 quận, huyện</b>	<b>21</b>
-	Xe chỉ đạo phòng chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn	7
-	Xe kiểm tra an ninh, trật tự đô thị, khu công nghiệp; thanh tra xây dựng	7
-	Xe phục vụ công tác thông tin, tuyên truyền, văn hóa cơ sở, các thiết chế văn hóa	7
4	<b>UBND 56 phường, xã</b>	<b>59</b>

-	Xe kiểm tra an ninh, trật tự đô thị, khu công nghiệp	56
	Xe phục vụ nhiệm vụ quản lý, bảo vệ rừng của các phường, xã thuộc quận Sơn Trà, Liên Chiểu, Hoà Vang	3
<b>5</b>	<b>Sở Thông tin và Truyền thông (cơ quan Sở)</b>	<b>1</b>
-	Xe thanh tra, kiểm tra giám sát, đo kiểm chất lượng các trạm BTS, thanh tra xử lý các trạm internet công cộng và kéo cáp không đúng quy định; Phục vụ công tác thông tin hỗ trợ tuyên truyền, thu thập xử lý thông tin của Tổ báo chí; Phục vụ kiểm tra, giám sát, sửa chữa, vận hành quản lý các công trình hạ tầng kỹ thuật CNTT	1
<b>6</b>	<b>Sở Du lịch</b>	<b>1</b>
<b>6.1</b>	<b>Ban Quản lý Bán đảo Sơn Trà và các bãi biển du lịch</b>	
-	Xe phục vụ công tác quảng bá, xúc tiến du lịch, tổ chức các sự kiện du lịch, lễ hội	1
<b>7</b>	<b>Sở Công Thương</b>	<b>2</b>
<b>7.1</b>	<b>Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại</b>	
-	Xe phục vụ công tác xúc tiến đầu tư, thương mại	1
-	Xe kiểm tra, kiểm định khoa học công nghệ, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng sản phẩm, hàng hóa và phục vụ ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ, khuyến công	1
<b>8</b>	<b>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</b>	<b>9</b>
<b>8.1</b>	<b>Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</b>	
-	Xe chỉ đạo phòng chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn; hộ đê	1
<b>8.2</b>	<b>Chi cục Thủy lợi</b>	
-	Xe chỉ đạo phòng chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn	1
<b>8.3</b>	<b>Chi cục Kiểm lâm</b>	
-	Xe kiểm lâm	6
<b>8.4</b>	<b>Chi cục Chăn nuôi và Thú y</b>	
-	Xe phục vụ công tác phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm; thanh tra, kiểm tra các cơ sở kiểm soát giết mổ; thanh tra, kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm có nguồn gốc động vật	1
<b>9</b>	<b>Sở Tài nguyên và Môi trường</b>	<b>11</b>
<b>9.1</b>	<b>Trung tâm Phát triển quỹ đất</b>	
-	Xe phục vụ công tác quy hoạch, xây dựng công trình dự án trên địa bàn	1
<b>9.2</b>	<b>Chi cục Bảo vệ Môi trường</b>	
-	Xe kiểm tra, giám sát công tác bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp, các doanh nghiệp và điểm nóng về xử lý môi trường	1
<b>9.3</b>	<b>Chi cục Biển và Hải đảo</b>	
-	Xe phục vụ công tác khắc phục sự cố tràn dầu, tổng hợp vùng bờ	1
<b>9.4</b>	<b>Công ty Thoát nước và Xử lý nước thải</b>	

-	Xe phục vụ tuần tra, kiểm soát, sửa chữa, quản lý, vận hành các công trình hạ tầng thoát nước và xử lý nước thải	5
<b>9.5</b>	<b>Chi cục Quản lý đất đai</b>	
-	Phục vụ công tác kiểm tra, thực tế quản lý đất đai	1
<b>9.6</b>	<b>Văn phòng Sở</b>	
-	Xe phục vụ thanh tra các hoạt động về TNMT	1
<b>9.7</b>	<b>Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường</b>	
-	Xe phục vụ công tác thực địa, khảo sát, đo đạc đất đai	1
<b>10</b>	<b>Sở Ngoại vụ (Cơ quan Sở)</b>	<b>1</b>
-	Xe phục vụ công tác lễ tân, đối ngoại, xúc tiến đầu tư; phục vụ các đoàn A1, khách quốc tế	1
<b>11</b>	<b>Sở Lao động Thương binh và Xã hội</b>	<b>8</b>
<b>11.1</b>	<b>Văn phòng Sở Lao động Thương binh và Xã hội</b>	
-	Xe phục vụ đối tượng bảo trợ xã hội	1
<b>11.2</b>	<b>Ban Nghĩa trang</b>	
-	Xe phục vụ tuần tra, kiểm soát, sửa chữa, quản lý, vận hành các công trình hạ tầng kỹ thuật, giao thông, nghĩa trang liệt sỹ	1
<b>11.3</b>	<b>Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp thành phố</b>	
-	Xe phục vụ công tác đào tạo, hướng nghiệp, dạy nghề lưu động	1
<b>11.4</b>	<b>Trung tâm Phụng dưỡng người có công cách mạng</b>	
-	Xe phục vụ cán bộ lão thành, người có công cách mạng, cán bộ hưu trí	1
<b>11.5</b>	<b>Trung tâm Bảo trợ xã hội</b>	
-	Xe phục vụ đối tượng bảo trợ xã hội	1
<b>11.6</b>	<b>Cơ sở xã hội Bầu Bàng</b>	
-	Xe phục vụ công tác đào tạo, hướng nghiệp, dạy nghề lưu động	1
<b>11.7</b>	<b>Trung tâm Điều dưỡng người tâm thần</b>	
-	Xe phục vụ đối tượng người tâm thần	1
<b>11.8</b>	<b>Chi cục phòng chống tệ nạn xã hội</b>	
-	Xe phục vụ công tác phòng chống mại dâm, ma túy	1
<b>12</b>	<b>Sở Y tế</b>	<b>5</b>
<b>12.1</b>	<b>Trung tâm kiểm soát bệnh tật</b>	
-	Xe phục vụ công tác phòng chống dịch, y tế dự phòng, vệ sinh dịch tễ; pháp y, kiểm nghiệm, kiểm dịch y tế; y tế cộng đồng; công tác thông tin, truyền thông; phục vụ đối tượng nhiễm HIV	3
<b>12.2</b>	<b>Trung tâm Pháp y</b>	
-	Xe phục vụ công tác pháp y	1

<b>12.3</b>	<b>Trung tâm Kiểm nghiệm Dược phẩm - Mỹ phẩm</b>	
-	Xe phục vụ công tác kiểm nghiệm, kiểm dịch y tế	1
<b>13</b>	<b>Sở Văn hóa và Thể thao</b>	<b>13</b>
<b>13.1</b>	<b>Nhà hát tuồng Nguyễn Hiển Dĩnh</b>	
-	Xe chở diễn viên, nghệ sĩ đạo cụ phục vụ công tác biểu diễn nghệ thuật	2
<b>13.2</b>	<b>Trung tâm Huấn luyện và Đào tạo VĐV TDTT</b>	
-	Xe chở vận động viên đi luyện tập và thi đấu	3
<b>13.3</b>	<b>Trung tâm Thể dục thể thao</b>	
-	Xe chở vận động viên đi luyện tập và thi đấu	1
-	Xe phục vụ công tác quảng bá, xúc tiến các sự kiện thể thao	1
<b>13.4</b>	<b>Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh</b>	
-	Xe phục vụ công tác thông tin, tuyên truyền, văn hóa cơ sở, các thiết chế văn hóa; triển lãm lưu động; trang thiết bị phục vụ biểu diễn nghệ thuật lưu động	2
<b>13.5</b>	<b>Bảo tàng Mỹ thuật Đà Nẵng</b>	
-	Xe phục vụ công tác sưu tầm hiện vật, triển lãm mỹ thuật lưu động	1
<b>13.6</b>	<b>Bảo tàng Đà Nẵng</b>	
-	Xe phục vụ công tác kiểm kê, trùng tu, tôn tạo di tích, sưu tầm hiện vật trưng bày	1
<b>13.7</b>	<b>Nhà hát Trưng Vương</b>	
-	Xe chở diễn viên, nghệ sĩ, đạo cụ phục vụ công tác biểu diễn nghệ thuật	2
<b>14</b>	<b>Sở Xây dựng</b>	<b>3</b>
<b>14.1</b>	<b>Thanh tra Sở Xây dựng</b>	
-	Xe thanh tra xây dựng	1
<b>14.2</b>	<b>Công ty Công viên - Cây xanh</b>	
-	Xe phục vụ tuần tra, kiểm soát, sửa chữa, quản lý, vận hành các công trình hạ tầng kỹ thuật, giao thông.	2
<b>15</b>	<b>Sở Giao thông Vận tải</b>	<b>8</b>
<b>15.1</b>	<b>Thanh tra giao thông</b>	
-	Xe thanh tra giao thông	8
<b>16</b>	<b>Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng</b>	<b>2</b>
<b>16.1</b>	<b>Công ty Phát triển và Khai thác hạ tầng Khu công nghiệp Đà Nẵng</b>	
-	Xe kiểm tra an ninh, trật tự đô thị, khu công nghiệp	1
<b>16.2</b>	<b>Trung tâm dịch vụ tổng hợp</b>	
-	Xe phục vụ vận hành và kiểm tra an ninh, trật tự tại Khu công nghệ cao	1

<b>17</b>	<b>Đài Phát thanh - Truyền hình Đà Nẵng</b>	<b>4</b>
-	Xe phục vụ công tác báo chí; phát thanh, truyền hình lưu động	4
<b>18</b>	<b>Ban Quản lý An toàn thực phẩm thành phố</b>	<b>2</b>
-	Xe phục vụ thanh tra, kiểm tra; kiểm nghiệm nhanh an toàn thực phẩm tại cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, dịch vụ ăn uống và các chợ truyền thống, chợ đầu mối nông sản và xử lý ngộ độc thực phẩm; phục vụ công tác truyền thông, thông tin về an toàn thực phẩm	2
<b>19</b>	<b>Sở Kế hoạch và Đầu tư (Cơ quan Sở)</b>	<b>1</b>
-	Xe phục vụ kiểm tra, khảo sát thực tế các dự án, triển khai thực địa để giám sát các dự án đầu tư và thực hiện hậu kiểm doanh nghiệp cấp phép	1
<b>20</b>	<b>Trường Cao đẳng văn hoá nghệ thuật</b>	<b>1</b>
-	Xe phục vụ đưa đón học sinh tham gia biểu diễn, đi thực tế tại địa phương	1
<b>21</b>	<b>Sở Khoa học và Công nghệ</b>	<b>2</b>
<b>21.1</b>	<b>Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng</b>	
-	Xe phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra KHCN, kiểm định, đo lường sản phẩm, hàng hoá trên thị trường	1
<b>21.2</b>	<b>Trung tâm Tiết kiệm năng lượng và Tư vấn chuyển giao công nghệ</b>	
-	Xe phục vụ công tác ứng phó sự cố bức xạ hạt nhân trên địa bàn thành phố; phục vụ thanh kiểm tra an toàn bức xạ, qua trắc phóng xạ môi trường và công tác nghiên cứu khoa học	1

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Số: 47/2019/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
*Độc lập - Tự do - Hạnh phúc*

Đà Nẵng, ngày 04 tháng 11 năm 2019

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng trên địa thành phố Đà Nẵng**

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường phố và công trình công cộng;*

*Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ*

*Căn cứ Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn Hóa, Thể thao và Du lịch) hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường phố và công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ*

*Theo đề nghị của Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng.*

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng trên địa thành phố Đà Nẵng

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14 tháng 11 năm 2019; bãi bỏ Quyết định số 8405/QĐ-UB ngày 14/10/2008 về tiêu chí lựa chọn danh nhân, nhân vật lịch sử, địa danh và danh từ có ý nghĩa tiêu biểu để đặt tên đường, Quyết định số 10246/QĐ-UBND ngày 28/12/2010 về Quy định về cách ghi biển tên đường trên địa bàn thành phố.

**Điều 3.** Chánh Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành thuộc thành phố, Chủ tịch UBND các quận, huyện và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH  
Huỳnh Đức Thơ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

## **QUY CHẾ**

**Đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng  
trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 47/2019/QĐ-UBND  
ngày 04 tháng 11 năm 2019 của UBND thành phố Đà Nẵng)*

### **Chương I**

#### **QUY ĐỊNH CHUNG**

##### **Điều 1. Phạm vi áp dụng**

Quy chế này quy định việc đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

##### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

##### **Điều 3. Nguyên tắc về đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng**

1. Áp dụng theo nguyên tắc chung quy định tại Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng; Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ.

2. Căn cứ vị trí, quy mô, cấp độ tuyến đường và công trình công cộng, Hội đồng Tư vấn đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng thành phố (sau đây gọi tắt là Hội đồng Tư vấn) nghiên cứu lựa chọn tên gọi phù hợp, tương ứng các tiêu chí lựa chọn danh nhân, nhân vật lịch sử, địa danh và từ có ý nghĩa tiêu biểu về mặt chính trị, văn hóa, xã hội để đặt tên đường.

3. Danh nhân được chọn đặt tên đường và công trình công cộng phải là người đã từ trần trước thời điểm xét đặt tên đường ít nhất 05 năm (trừ những trường hợp đặc biệt). Tên đặt cho đường và công trình công cộng được lựa chọn từ danh mục Quỹ tên đã được UBND thành phố phê duyệt hoặc do thành viên Hội đồng Tư vấn đề xuất và thông qua.

4. Chỉ được xem xét đặt tên đối với các tuyến đường đã ổn định về quy hoạch, đã xác định được điểm đầu của đường (hướng từ phía Đông sang phía Tây hoặc từ phía Bắc vào phía Nam), có nhà dân sinh sống và hạ tầng đường bộ đã được thi công cơ bản



hoàn thành.

5. Tại huyện Hòa Vang, chỉ được xem xét đặt tên đường đối với các tuyến đường đáp ứng các yêu cầu tại Khoản 4 Điều này và cận kề các tuyến đường liên huyện, quận và quốc lộ.

## **Chương II**

### **ĐẶT TÊN, ĐỔI TÊN ĐƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG**

#### **Điều 4. Đặt tên đường và công trình công cộng**

Thực hiện theo quy định tại các điều 10, 12, 13, 14 và 15 Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng.

#### **Điều 5. Cách đặt tên đường và công trình công cộng**

1. Tên các danh nhân, nhân vật lịch sử cùng thời kỳ hoặc cùng lĩnh vực hoạt động được ưu tiên đặt gần nhau, tạo thành các cụm tên đường có liên quan.

2. Trong trường hợp đường quá dài và là đường liên phường/xã, quận/huyện, căn cứ vào điều kiện cụ thể, có thể phân ra từng đoạn để đặt tên.

3. Danh nhân, nhân vật lịch sử có nhiều tên gọi, danh xưng, tước hiệu, bút hiệu thì chỉ chọn một tên phổ biến nhất để đặt tên đường, công trình công cộng.

4. Các địa danh lịch sử gắn với các sự kiện lịch sử, tên các địa danh là đơn vị hành chính xưa, tên các nhân vật lịch sử gắn liền với các sự kiện lịch sử hoặc địa danh diễn ra sự kiện lịch sử thì được ưu tiên đặt tên cho đường đi qua địa danh, công trình công cộng trên địa bàn đó.

5. Đối với các tuyến đường liên quận đủ tiêu chuẩn để đặt tên theo địa danh hành chính, điểm đầu tuyến đường thuộc địa giới hành chính của địa phương nào thì địa phương đó chịu trách nhiệm lập hồ sơ và đề xuất tên cho tuyến đường đó.

6. Đối với việc đặt tên đường tại các khu dân cư biệt lập, khép kín, chủ đầu tư dự án trình UBND thành phố xem xét, phê duyệt.

#### **Điều 6. Đổi tên đường và công trình công cộng**

1. Hạn chế tối đa việc điều chỉnh, thay đổi tên đường và công trình công cộng đã được đặt tên.

2. Đường và công trình công cộng đã đặt tên mà xét thấy không phù hợp về vị trí, không có ý nghĩa về lịch sử, văn hóa, không phù hợp với thuần phong mỹ tục của dân tộc, không phải là nhân vật tiêu biểu của đất nước hoặc của địa phương, có tác động xấu trong xã hội thì đổi tên nhưng cần xem xét thận trọng và phải thực hiện theo đúng quy trình đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng.

#### **Điều 7. Phân nhóm đặt tên đường và công trình công cộng**

1. Phân nhóm đặt tên đường:

a) Nhóm 1: Đặt tên đại lộ theo danh nhân, sự kiện lịch sử có ý nghĩa đặc biệt tiêu biểu về chính trị, văn hóa, xã hội của quốc gia: Gồm các tuyến đường có vị trí đặc biệt quan trọng trong mạng lưới đô thị, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu hạ tầng kỹ thuật và cảnh quan đô thị của thành phố, có bề rộng mặt đường từ 30m, chiều dài từ 5.000m trở lên.

b) Nhóm 2: Đường được đặt tên danh nhân, địa danh, từ có ý nghĩa tiêu biểu về chính trị, văn hóa, xã hội và các phong trào cách mạng, sự kiện lịch sử nổi bật: Gồm các tuyến có bề rộng mặt đường từ 5,5m và có chiều dài từ 500m trở lên, trừ các tuyến đường được quy định tại Điểm a Khoản này.

c) Nhóm 3: Đường được đặt theo tên địa danh kèm số, tên loài hoa: Gồm các tuyến đường có bề rộng mặt đường tối thiểu từ 3,75m và có chiều dài tối thiểu từ 50m, trừ các tuyến đường được quy định tại Điểm a, b Khoản này.

## 2. Phân nhóm công trình công cộng:

a) Nhóm 1: Các công trình công cộng có vai trò, quy mô, vị trí quan trọng, có ý nghĩa văn hóa, xã hội, lịch sử và phục vụ nhu cầu khai thác, sử dụng chung cho cộng đồng toàn thành phố.

b) Nhóm 2: Gồm các công trình công cộng khác được quy định ngoài Điểm a Khoản này.

## Chương III

### XÂY DỰNG QUỸ TÊN ĐƯỜNG, CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG

#### Điều 8. Xây dựng quỹ tên

1. Hội đồng Tư vấn đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng do UBND thành phố quyết định thành lập và quy định chế độ làm việc, Sở Văn hóa và Thể thao là thường trực Hội đồng.

2. Cơ quan thường trực Hội đồng Tư vấn đặt đổi tên đường và công trình công cộng, chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện việc sưu tầm, biên tập và lập danh mục Quỹ tên đường và công trình công cộng; báo cáo Hội đồng Tư vấn thẩm định Quỹ trước khi trình UBND thành phố phê duyệt để lưu trữ, sử dụng phục vụ lâu dài cho công tác đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng trên địa bàn thành phố.

3. UBND các quận, huyện và các cơ quan, đoàn thể có liên quan có trách nhiệm rà soát, đề xuất danh mục bổ sung vào Quỹ tên đường, gửi về cơ quan Thường trực Hội đồng Tư vấn để tiến hành các bước thủ tục trình UBND thành phố phê duyệt.

#### Điều 9. Tiêu chí xây dựng quỹ tên

1. Danh nhân, nhân vật lịch sử

a) Danh nhân đất nước:

- Có công trạng, đóng góp lớn cho đất nước (bao gồm một số vị vua, quan có ảnh hưởng lớn đến đất nước trong các thời kỳ lịch sử của dân tộc hoặc các vị khởi xướng, lãnh đạo các phong trào yêu nước, cách mạng, các vị lãnh đạo tiêu biểu của Đảng và Nhà nước);

- Nổi tiếng về tài đức, có đóng góp lớn cho đất nước ở từng lĩnh vực (bao gồm các văn nhân, danh y, danh tướng ...) qua các thời kỳ lịch sử dân tộc;

- Có những kỳ tích, hành động đặc biệt vì lợi ích của đất nước, của cộng đồng, trở thành gương sáng để các thế hệ đi sau học tập (bao gồm các tấm gương hy sinh, tuấn tiết, các chiến sĩ cách mạng có chiến công đặc biệt).

b) Danh nhân địa phương (gồm những người có công trạng tiêu biểu đối với địa phương, vùng đất Quảng Nam – Đà Nẵng):

- Có công trạng đóng góp lớn cho sự nghiệp bảo vệ và xây dựng vùng đất Quảng Nam và Đà Nẵng qua các thời kỳ lịch sử dân tộc, những vị tiên hiền có công khai phá vùng đất Quảng Nam – Đà Nẵng;

- Nhà văn, nhà thơ, nhà nghiên cứu lịch sử văn hóa ... có tác phẩm giá trị được công nhận và lưu truyền đến ngày nay;

- Các đồng chí lãnh đạo tiêu biểu của Quảng Nam – Đà Nẵng qua các thời kỳ;

- Anh hùng lực lượng vũ trang; anh hùng lao động tiêu biểu qua các thời kỳ;

- Những bà mẹ Việt Nam anh hùng tiêu biểu quê quán ở Đà Nẵng và Quảng Nam.

c) Danh nhân nước ngoài có ảnh hưởng đến lịch sử, văn hóa Việt Nam và thành phố Đà Nẵng.

2. Địa danh, từ có ý nghĩa tiêu biểu về chính trị, văn hóa, xã hội:

a) Địa danh: Địa danh phải nổi tiếng, được nhiều người dân cả nước biết đến, gắn liền với lịch sử dân tộc, có ý nghĩa và giá trị tiêu biểu về lịch sử - văn hóa của đất nước hoặc của thành phố; địa danh đã quen dùng từ xưa, đi sâu vào tiềm thức của nhân dân; hoặc tên địa phương kết nghĩa có mối quan hệ đặc biệt với thành phố Đà Nẵng.

Đối với các tỉnh, thành kết nghĩa, không nhất thiết phải lấy tên tỉnh, thành mà có thể lấy tên địa danh nổi tiếng của tỉnh, thành đó.

b) Từ có ý nghĩa tiêu biểu về chính trị, văn hóa, xã hội.

3. Tên phong trào cách mạng, sự kiện lịch sử có giá trị tiêu biểu của quốc gia hoặc địa phương.

4. Tên địa danh đặt tên kèm số: Là những địa danh đã đi sâu vào tiềm thức của nhân dân tại một khu vực dân cư nhất định trên địa bàn quận, huyện của thành phố Đà Nẵng.

5. Tên một số loài hoa đặc trưng và phổ biến.

## Chương IV

### THẨM QUYỀN, QUY TRÌNH, THỦ TỤC ĐẶT TÊN, ĐỔI TÊN ĐƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG

#### Điều 10. Thẩm quyền đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng

1. UBND thành phố trình HĐND thành phố quyết định đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng tại Khoản 1 và Điểm a Khoản 2 Điều 7 Quy chế này.

2. UBND các quận, huyện đặt tên, đổi tên các công trình công cộng trên địa bàn quản lý được quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 7 của Quy chế này.

#### Điều 11. Quy trình, thủ tục đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng

1. Hằng năm, căn cứ chỉ đạo của UBND thành phố, Sở Giao thông Vận tải có văn bản đề nghị UBND các quận, huyện cung cấp hồ sơ các tuyến đường, công trình cần đặt tên, đổi tên để thẩm định, lập báo cáo khảo sát chi tiết gửi cơ quan thường trực Hội đồng Tư vấn đề triển khai xây dựng Đề án tên đường trên địa bàn thành phố.

2. Căn cứ đề nghị của Sở Giao thông Vận tải, UBND các quận, huyện có trách nhiệm lập hồ sơ đề xuất đặt tên đường, công trình công cộng; hồ sơ đáp ứng các tiêu chí về hạ tầng kỹ thuật, mật độ dân cư sinh sống và tên đường dự kiến (nếu có).

3. Trên cơ sở hồ sơ do Sở Giao thông Vận tải cung cấp, cơ quan thường trực Hội đồng Tư vấn tổ chức các bước khảo sát với sự tham gia của Chủ tịch Hội đồng Tư vấn, đại diện các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan; tổng hợp và xây dựng dự thảo Đề án tên đường trình Hội đồng Tư vấn.

4. Hội đồng Tư vấn họp thảo luận và hoàn chỉnh Dự thảo Đề án tên đường.

5. Cơ quan thường trực Hội đồng Tư vấn tham mưu công bố Dự thảo Đề án tên đường theo kết luận của Hội đồng trên các phương tiện thông tin đại chúng để lấy ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức và nhân dân địa phương.

6. Trên cơ sở tổng hợp ý kiến của các cơ quan, tổ chức và nhân dân, Hội đồng Tư vấn trình UBND thành phố xem xét thông qua.

7. UBND thành phố trình HĐND thành phố.

#### Điều 12. Gắn biển tên đường và công trình công cộng

1. Căn cứ Nghị quyết đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng của HĐND thành phố, việc tổ chức gắn biển tên đường và bảng tên công trình công cộng thực hiện như sau:

a) Sở Giao thông Vận tải chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức triển khai lắp đặt trụ biển tên đường và công trình cầu theo quy định.

b) Đối với công trình công cộng, các cơ quan quản lý công trình triển khai lắp đặt bảng tên theo quy định.

2. Nguyên tắc gắn biển tên đường theo kiểu cánh lệch, thứ tự ưu tiên cánh trên và cánh dưới như sau:

a) Tên đường trục đường chính được ghi tại cánh trên. Trong trường hợp hai đường giao nhau cùng là trục đường chính, thì căn cứ chữ đầu tên đường theo thứ tự A, B, C... để ghi tại cánh trên.

b) Tên đường có bề rộng mặt đường lớn hơn được ghi tại cánh trên. Trong trường hợp hai đường giao nhau có bề rộng mặt đường bằng nhau, thì căn cứ chữ đầu tên đường theo thứ tự A, B, C... để ghi tại cánh trên. Nếu trong trường hợp hai đường giao nhau có bề rộng mặt đường bằng nhau và được đặt cùng tên có kèm theo số, thì căn cứ thứ tự 1, 2, 3... để ghi tại cánh trên.

## **Chương V**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 13.** Sở Văn hóa và thể thao chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành thành phố, UBND các quận, huyện, các tổ chức liên quan triển khai và hướng dẫn tổ chức thực hiện Quy chế này và những quy định khác của pháp luật có liên quan về đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng trên địa bàn thành phố. Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc thực hiện việc đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng trên địa bàn thành phố.

#### **Điều 14. Khen thưởng và xử lý vi phạm**

1. Tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc tổ chức thực hiện Quy chế này và những quy định khác của pháp luật về đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng sẽ được động viên, khen thưởng kịp thời theo chế độ thi đua khen thưởng hiện hành của Nhà nước.

2. Tổ chức, cá nhân vi phạm Quy chế này và những quy định khác của pháp luật về đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 15. Điều khoản thi hành**

Trong quá trình triển khai và thực hiện Quy chế, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cấp, các ngành, các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Văn hóa và thể thao để tổng hợp, báo cáo UBND thành phố xem xét sửa đổi, bổ sung kịp thời./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**  
**Huỳnh Đức Thơ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 48/2019/QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày 13 tháng 11 năm 2019

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc bãi bỏ Quyết định số 23/2016/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2016 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ban hành Quy định về quản lý, khai thác vận tải hành khách bằng xe taxi trên địa thành phố Đà Nẵng**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 4897/TTr-SGTVT ngày 01 tháng 11 năm 2019*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Bãi bỏ Quyết định số 23/2016/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2016 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ban hành Quy định về quản lý, khai thác vận tải hành khách bằng xe taxi trên địa thành phố Đà Nẵng

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 11 năm 2019.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND thành phố ; Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các quận, huyện và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH  
Huỳnh Đức Thơ**

**VĂN BẢN KHÁC**  
**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4620/QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày 14 tháng 10 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc thay đổi thành viên Hội đồng thẩm định Bảng giá đất**  
**thành phố Đà Nẵng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ  
quy định về giá đất*

*Căn cứ Nghị định số 104/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2014 của Chính  
phủ quy định về khung giá đất;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 87/2016/TTLT-BTC-BTNMT ngày 22 tháng 6 năm  
2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn  
việc thẩm định dự thảo bảng giá đất của Hội đồng thẩm định bảng giá đất, thẩm định  
phương án giá đất của Hội đồng thẩm định giá đất*

*Xét đề nghị của Hội đồng thẩm định bảng giá đất thành phố Đà Nẵng tại Công  
văn số 201/HĐTĐBGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2019 và đề nghị của Giám đốc Sở Nội  
vụ tại Tờ trình số 2909/TTr-SNV ngày 10 tháng 10 năm 2019*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thay đổi thành viên Hội đồng thẩm định bảng giá đất thành phố Đà Nẵng (sau đây viết tắt là Hội đồng) tại Quyết định số 135/QĐ-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc thành lập Hội đồng thẩm định bảng giá đất thành phố Đà Nẵng như sau:

Ông Bùi Nam Dũng, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hòa Vang làm thành viên Hội đồng thay ông Đặng Phú Hành, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hòa Vang

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ký

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và UBND thành phố Đà Nẵng, ; Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính; Chủ tịch UBND huyện Hòa Vang; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan, Hội đồng và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**  
**Huỳnh Đức Thơ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4620/QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày 14 tháng 10 năm 2019

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Về việc thay đổi thành viên Hội đồng thẩm định Bảng giá đất thành phố Đà Nẵng**

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định về giá đất*

*Căn cứ Nghị định số 104/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định về khung giá đất;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 87/2016/TTLT-BTC-BTNMT ngày 22 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc thẩm định dự thảo bảng giá đất của Hội đồng thẩm định bảng giá đất, thẩm định phương án giá đất của Hội đồng thẩm định giá đất*

*Xét đề nghị của Hội đồng thẩm định bảng giá đất thành phố Đà Nẵng tại Công văn số 201/HĐTĐBGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2019 và đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 2909/TTr-SNV ngày 10 tháng 10 năm 2019*

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thay đổi thành viên Hội đồng thẩm định bảng giá đất thành phố Đà Nẵng (sau đây viết tắt là Hội đồng) tại Quyết định số 135/QĐ-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc thành lập Hội đồng thẩm định bảng giá đất thành phố Đà Nẵng như sau:

Ông Bùi Nam Dũng, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hòa Vang làm thành viên Hội đồng thay ông Đặng Phú Hành, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hòa Vang

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ký

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và UBND thành phố Đà Nẵng, ; Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính; Chủ tịch UBND huyện Hòa Vang; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan, Hội đồng và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH  
Huỳnh Đức Thơ**



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4629 /QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày 14 tháng 10 năm 2019

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc thành lập Tổ biên tập xây dựng chuyên đề “Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu, thành tựu phát triển kinh tế - xã hội nhiệm kỳ 2015 - 2020; nhiệm vụ, giải pháp nhiệm kỳ 2020 - 2025”**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thành ủy Đà Nẵng tại Thông báo số 551-TB/TU ngày 09 tháng 9 năm 2019 kết luận cuộc họp Tiểu ban Văn kiện Đại hội lần thứ XXII Đảng bộ thành phố;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 2794/SKHĐT-TH ngày 02 tháng 10 năm 2019 và đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 2879 /TTr-SNV ngày 07 tháng 10 năm 2019,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thành lập Tổ biên tập xây dựng chuyên đề “Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu, thành tựu phát triển kinh tế - xã hội nhiệm kỳ 2015 - 2020; nhiệm vụ, giải pháp nhiệm kỳ 2020 - 2025” (sau đây viết tắt là Tổ biên tập) gồm các thành viên như sau:

1. Tổ trưởng: Ông Lê Trung Chinh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng.

2. Tổ phó Thường trực: Ông Trần Phước Sơn, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư.

3. Tổ phó: Ông Đoàn Ngọc Hùng Anh, Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng.

4. Các thành viên:

- Ông Nguyễn Văn Phụng, Giám đốc Sở Tài chính.

- Ông Nguyễn Phú Ban, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Bà Lê Thị Bích Thuận, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Ông Tô Văn Hùng, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Ông Tạ Tự Bình, Phó Giám đốc Sở Tư pháp.

- Ông Trần Văn Hoàng, Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.
  - Ông Hà Vỹ, Phó Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao.
  - Ông Lê Đức Viên, Phó Giám đốc Sở Công Thương.
  - Bà Lê Thị Thu Hạnh, Phó Giám đốc Sở Ngoại vụ.
  - Ông Bùi Hồng Trung, Phó Giám đốc Sở Giao thông Vận tải.
  - Ông Nguyễn Văn Chiến, Phó Giám đốc Sở Nội vụ.
  - Ông Thái Ngọc Trung, Phó Giám đốc Sở Xây dựng.
  - Ông Nguyễn Út, Phó Giám đốc Sở Y tế.
  - Ông Nguyễn Xuân Bình, Phó Giám đốc Sở Du lịch.
  - Ông Nguyễn Văn An, Phó Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.
  - Ông Lê Sơn Phong, Phó Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông.
  - Ông Trần Văn Biên, Phó Trưởng Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng.
  - Bà Huỳnh Liên Phương, Giám đốc Ban Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư Đà Nẵng.
  - Ông Nguyễn Văn Hùng, Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Đà Nẵng.
  - Ông Trần Văn Vũ, Cục trưởng Cục Thống kê thành phố Đà Nẵng.
  - Ông Đào Thế Nhựt, Phó Cục trưởng Cục Hải quan thành phố Đà Nẵng.
  - Ông Trương Công Khoái, Phó Cục trưởng Cục Thuế thành phố Đà Nẵng.
5. Mời các ông, bà sau đây làm thành viên:
- Bà Cao Thị Huyền Trân, Trưởng Ban Văn hóa - Xã hội, Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng.
  - Ông Trần Chí Cường, Trưởng Ban Kinh tế - Ngân sách, Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng.
  - Ông Nguyễn Thành Tiến, Trưởng Ban Đô thị, Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng.
  - Bà Võ Thị Thúy Anh, Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng.
  - Ông Trần Lê Tuấn, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Quyền Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng.

**Điều 2. Nhiệm vụ, chế độ làm việc, cơ quan thường trực của Tổ biên tập**

1. Tổ biên tập có nhiệm vụ tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng trong việc xây dựng nội dung chuyên đề “Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu, thành tựu phát triển kinh tế - xã hội nhiệm kỳ 2015 - 2020; nhiệm vụ, giải pháp nhiệm kỳ 2020 - 2025”.

2. Các thành viên Tổ biên tập làm việc theo chế độ kiêm nhiệm.

3. Tổ trưởng, các Tổ phó sử dụng con dấu của cơ quan nơi công tác (Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng) để ban hành văn bản của Tổ biên tập.

4. Tổ trưởng quyết định việc thành lập Tổ giúp việc để giúp Tổ biên tập; quyết định việc mời thêm đại diện của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp, chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý, cá nhân có liên quan tham gia trong các cuộc họp của Tổ biên tập để góp ý kiến, tư vấn và phối hợp thực hiện.

5. Kinh phí hoạt động của Tổ biên tập, Tổ giúp việc do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định hiện hành.

6. Sở Kế hoạch và Đầu tư làm cơ quan thường trực của Tổ biên tập, có trách nhiệm tổng hợp danh sách thành viên và bảo đảm điều kiện hoạt động của Tổ biên tập, Tổ giúp việc.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và Tổ biên tập tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng, Giám đốc các Sở: Nội vụ, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan, và các thành viên Tổ biên tập có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định này để thi hành ./.

**CHỦ TỊCH**

**Huỳnh Đức Thơ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:4630/QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày 14 tháng 10 năm 2019

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc thay đổi thành viên Hội đồng giải thể  
Quỹ bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa thành phố Đà Nẵng**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 2900/TTr-SNV ngày 09 tháng 10 năm 2019*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thay đổi thành viên Hội đồng giải thể Quỹ bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa thành phố Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là Hội đồng) tại Quyết định số 1322/QĐ-UBND ngày 26 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc thành lập Hội đồng giải thể Quỹ bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa thành phố Đà Nẵng như sau:

Ông Đặng Chí Thanh, Phó Giám đốc Sở Nội vụ làm thành viên Hội đồng thay ông Nguyễn Thương, nguyên Phó Giám đốc Sở Nội vụ nghỉ hưu

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ký

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và UBND thành phố Đà Nẵng, ; Giám đốc các Sở: Tài chính; Nội vụ; Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Đà Nẵng, Quỹ bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa thành phố Đà Nẵng; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan và Hội đồng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH  
Huỳnh Đức Thơ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Số:03/CT-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Đà Nẵng, ngày 12 tháng 10 năm 2019*

## **CHỈ THỊ**

### **Về việc nâng cao hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong thời gian đến trên địa thành phố Đà Nẵng**

Năm 2019, công tác phổ biến, giáo dục pháp luật được xác định là nhiệm vụ trọng tâm của cả hệ thống chính trị, được cấp ủy, chính quyền các cấp quan tâm thực hiện. Hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật được triển khai trên diện rộng và từng bước đi vào chiều sâu, vai trò của công tác phổ biến, giáo dục pháp luật ngày càng được đánh giá cao; đội ngũ báo cáo viên pháp luật thành phố, quận, huyện; tuyên truyền viên phường, xã được bồi dưỡng kỹ năng, kiến thức chuyên môn, tiếp tục khẳng định vai trò nòng cốt trong việc đưa pháp luật đến với người dân. Hình thức tuyên truyền, phổ biến có nhiều cải tiến, sáng tạo, đã tạo hiệu ứng tích cực trên thực tế. Nhận thức và ý thức tuân thủ, chấp hành pháp luật của các tầng lớp Nhân dân đã có nhiều chuyển biến tích cực. Công tác phối hợp thực hiện nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật ngày càng chặt chẽ, bài bản và hiệu quả hơn. Các cơ quan, tổ chức từ thành phố đến cơ sở đã phát huy vai trò trong triển khai các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật. Qua đó, đã góp phần đưa các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước đi vào cuộc sống, tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, công tác phổ biến, giáo dục pháp luật vẫn còn những hạn chế nhất định như: Chất lượng, hiệu quả của công tác phổ biến, giáo dục pháp luật chưa đồng đều, một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa chủ động triển khai thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hiểu biết và ý thức chấp hành của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân còn hạn chế, tình trạng tranh chấp, khiếu kiện chưa được giải quyết triệt để, tình hình tội phạm, tệ nạn xã hội, vi phạm pháp luật có nơi, có thời điểm diễn biến phức tạp, khó lường... Nguyên nhân cơ bản của tồn tại, hạn chế nêu trên là do công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật của cấp ủy, lãnh đạo một số ngành, đại phương chưa thật quyết liệt, việc phối hợp, kết hợp trong tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật ở một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa được thường xuyên, chặt chẽ, đội ngũ làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật ở cơ sở còn hạn chế nhiều mặt.

Để khắc phục những tồn tại, hạn chế và nâng cao hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong thời gian đến tại thành phố Đà Nẵng và tiếp tục triển khai đồng bộ có hiệu quả Luật phổ biến, giáo dục pháp luật, Chủ tịch Ủy ban nhân thành phố chỉ thị các sở, ban, ngành và đoàn thể; Ủy ban nhân dân các quận, huyện tập trung triển khai thực hiện các nội dung sau đây:

1. Tiếp tục quán triệt, triển khai thống nhất, đồng bộ Quyết định số 4932/QĐ-UBND ngày 05/9/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành kế hoạch thực hiện Chương trình phổ biến giáo dục pháp luật giai đoạn 2017 – 2021 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của công tác phổ biến giáo dục pháp luật, xác định công tác phổ biến giáo dục pháp luật là một bộ phận của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, là nhiệm vụ không thể tách rời với thực hiện nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế- xã hội của cơ quan, đơn vị, địa phương. Đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu và bản thân mỗi cán bộ, công chức, viên chức trong tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao, Xây dựng kế hoạch, nội dung, phương pháp phổ biến, giáo dục pháp luật cụ thể, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của công tác này trong giai đoạn hiện nay. Tổ chức thực hiện tốt các nội dung tại Thông tư số 03/2018/TT-BTP ngày 10/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về tiêu chí đánh giá hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật

2. Chú trọng đổi mới, nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, tập trung tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật mới ban hành, các văn bản thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị, địa phương, các nghị quyết của hội đồng nhân dân thành phố về cơ chế, chính sách phát triển kinh tế-xã hội, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động đối với các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ vào tình hình địa bàn, dân cư, các vấn đề nổi lên của địa phương để lựa chọn nội dung, hình thức phổ biến giáo dục pháp luật phù hợp, bảo đảm trọng tâm, trọng điểm, thường xuyên, liên tục theo chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về hưởng ứng Ngày pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2019 và các năm tiếp theo.

3. Bảo đảm các điều kiện cần thiết về cơ sở vật chất và phương tiện cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch số 6137/KH-UBND ngày 12/9/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc triển khai Đề án ‘Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật giai đoạn 2019-2021 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

4. Đối với Hội đồng Phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật thành phố; quận, huyện

a) Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp cơ quan thường trực Hội đồng Phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật thành phố; quận, huyện) có nhiệm vụ:

- Làm tốt hơn nữa vai trò của cơ quan thường trực Hội đồng, tham mưu, hướng dẫn các hoạt động về phổ biến, giáo dục pháp luật, định hướng nội dung phổ biến, giáo dục pháp luật, trong đó tập trung phổ biến, giáo dục pháp luật cho các đối tượng đặc thù theo quy định của Luật phổ biến, giáo dục pháp luật, là đầu mối theo dõi, tổng hợp kết quả triển khai thực hiện các chương trình, đề án, kế hoạch về phổ biến, giáo dục pháp luật đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt. Tiếp tục đẩy mạnh công tác

phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua hoạt động hòa giải ở cơ sở, các loại hình tư vấn pháp luật, hoạt động trợ giúp pháp lý....,

- Thường xuyên củng cố, kiện toàn, đánh giá chất lượng, hiệu quả hoạt động của đội ngũ báo cáo viên pháp luật thành phố, quận, huyện; tuyên truyền viên pháp luật phường, xã cán bộ làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, cán bộ, công chức pháp chế các sở, ngành để kịp thời củng cố, phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, đáp ứng nhiệm vụ trong tình hình mới. Chú trọng công tác tập huấn, bồi dưỡng và tạo điều kiện để đội ngũ làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật hoạt động hiệu quả, thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với đội ngũ này theo quy định. Thường xuyên kiểm tra, tự kiểm tra việc thực hiện công tác phổ biến đối với các tổ chức sự nghiệp trực thuộc và tại cơ quan, đơn vị và địa phương mình.

-Hàng năm tổ chức kiểm tra việc thực hiện Luật phổ biến, giáo dục pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành tại các cơ quan, đơn vị, địa phương; nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, sơ kết, tổng kết việc phổ biến, giáo dục pháp luật trên đại bàn thành phố, động viên, khen thưởng kịp thời các tổ chức, cá nhân làm tốt công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

b) Các cơ quan, tổ chức thành viên của Hội đồng phải thường xuyên tăng cường phối hợp chặt chẽ trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu, thành viên Hội đồng, cán bộ trực tiếp tham mưu triển khai thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật tại cơ quan, đơn vị, địa phương. Thực hiện nghiêm túc Quy chế và Chương trình, kế hoạch hoạt động hàng năm của Hội đồng. Tập trung tuyên truyền các văn bản pháp luật mới ban hành thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân. Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ 6 tháng, hàng năm theo đúng thời gian quy định.

5. Sở giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm triển khai thực hiện có hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhà trường, trong đó tập trung thực hiện tốt các hoạt động tổ chức dạy và học kiến thức pháp luật phù hợp ở các cấp học và trình độ đào tạo theo chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật ngoại khóa.

6. Sở Thông tin và Truyền thông chỉ đạo các cơ quan thông tấn, báo chí trên địa bàn thành phố xây dựng các chuyên trang, chuyên mục về pháp luật, tăng cường thời lượng phát sóng, đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, có kế hoạch phát triển và nâng cao trình độ lý luận chính trị, pháp lý cho đội ngũ phóng viên, biên tập viên, cộng tác viên về pháp luật, bảo đảm thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật đúng đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

7. Ủy ban nhân dân các quận, huyện triển khai có hiệu quả công tác đánh giá phường, xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 08/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 và Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020

8. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, các tổ chức thành viên phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật cho đoàn viên, hội viên, tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân chấp hành pháp luật, vận động tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia và hỗ trợ hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật, tham gia giám sát việc thực hiện chính sách pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật

9. Đề nghị các cơ quan tiền hành tố tụng (Công an, Viện Kiểm sát, Tòa án các cấp) thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua công tác điều tra, truy tố, xét xử, lựa chọn những vụ án điển hình, có tính răn đe, giáo dục cao để tổ chức xét xử lưu động nhằm ngăn ngừa tội phạm và phổ biến, giáo dục pháp luật cho người dân.

10. các tổ chức hành nghề luật sư, các tổ chức tư vấn pháp luật, tổ chức xã hội - nghề nghiệp về pháp luật có trách nhiệm tham gia phổ biến, giáo dục pháp luật cho người dân, tổ chức phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua hoạt động tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý, kết hợp phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua hoạt động chuyên môn, tạo điều kiện cho thành viên của tổ chức tham gia hoạt động tình nguyện phổ biến, giáo dục pháp luật

11. giao sở Tư pháp thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Chỉ thị này, định kỳ hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố kết quả thực hiện cùng với báo cáo công tác phổ biến, giáo dục pháp luật theo quy định./.

**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**  
**Lê Trung Chinh**



---

**Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Đà Nẵng xuất bản**

Địa chỉ: 24 Trần Phú - Đà Nẵng

Điện thoại: 0511. 3893777

Fax: 0511.3 821286

Email: [congbao@danang.vnn.vn](mailto:congbao@danang.vnn.vn)

Website: <https://congbao.danang.gov.vn>

In tại: Công ty Cổ phần In Bưu điện